

---

# VAI TRÒ CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHỎ VÀ VỪA TẠI VIỆT NAM

**Lê Quốc Hội**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: hoilq@neu.edu.vn*

**Đỗ Vũ Phương Anh**

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội*

*Email: dvphuonganh@vnu.edu.vn*

**Nguyễn Hoài Nam**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa*

*Email: nguyenhoainamdhv@gmail.com*

**Nguyễn Thanh Hằng**

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội*

*Email: hangnguyen159@yahoo.com*

Mã bài: JED - 101021

Ngày nhận: 10/10/2021

Ngày nhận bản sửa: 08/01/2022

Ngày duyệt đăng: 06/02/2022

## **Tóm tắt**

*Nghiên cứu này lần đầu tiên đánh giá vai trò của kiểm soát nội bộ đến hoạt động đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc cải thiện hiệu quả của kiểm soát nội bộ có tác dụng thúc đẩy đáng kể hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đổi mới công nghệ thông qua việc đánh giá, kiểm soát và phòng ngừa rủi ro hợp lý. Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng, trong bối cảnh chất lượng quản trị công chưa thực sự hiệu quả, việc tăng cường xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp thúc đẩy việc thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh và các hoạt động đổi mới sáng tạo.*

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ, SMEs, đổi mới sáng tạo, Việt Nam.

**Mã JEL:** O31, L25.

## **The role of internal control in innovation activities of small and medium-sized private enterprises in Vietnam**

### **Abstract:**

*This study first investigates whether and how internal control quality affects private SMEs' innovation decisions in Vietnam. Our empirical evidence shows that firms with better internal controls are associated with more innovation activities, especially for technological innovation and total innovation. We further find that the role of internal controls in innovation strategies is more pronounced for medium and high-tech firms through assessment, control, and prevention. reasonable risk. Our findings imply that, in the context of inefficient institutional quality, improving the effectiveness of internal control quality is important to help a firm be more innovative.*

**Keywords:** Internal control, SMEs, innovation, Vietnam

**JEL Codes:** O31, L25.

---

## 1. Đặt vấn đề

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) đóng một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Nền kinh tế Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với 96% tổng số doanh nghiệp (DN) đóng góp gần 45% GDP và 31% tổng đầu tư trong năm 2006 (Dau & Pham, 2016). Đến năm 2019, tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm đến 98%, đóng góp tới 41,24% tổng số vốn, 42,11% cơ hội việc làm cho người lao động và tiền lương trung bình được tạo ra bởi nhóm khu vực này cũng cao hơn so với tiền lương trung bình cả nước từ 9,17% - 22,25% trong năm 2018 (Bộ Kế hoạch đầu tư, 2020). Hơn nữa, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng bền vững, đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo (Jaax, 2020; Kokko & Sjöholm, 2005). Ở chiều hướng ngược lại, doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu ngày càng giảm sút với sự kém hiệu quả trong sáng tạo và thích ứng trước bối cảnh mới, theo đó, đóng góp cho tỷ trọng GDP giảm từ 37,62% năm 2005 xuống 27,26% năm 2020 (GSO, 2020).

Tuy nhiên, sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam đã bị cản trở bởi một số yếu tố chính. Thiếu đất và khả năng tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ là một trong những trở ngại chính (Dau & Pham, 2016, Pham & Talavera, 2018). Sự thiếu hụt lao động có kỹ năng và việc sử dụng công nghệ lỗi thời là những trở ngại cho sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần lớn lực lượng lao động có trình độ đào tạo thấp. Baccini & cộng sự (2019) còn nhận thấy rằng, sự hạn chế trong phát triển khu vực tư nhân còn bị ảnh hưởng nặng nề bởi các can thiệp mang tính “phi thị trường” của doanh nghiệp nhà nước khi Việt Nam tham gia vào quá trình ký kết các hiệp định quốc tế. Phan & Coxhead (2013) cũng đồng ý rằng việc trả lương tại các doanh nghiệp nhà nước thường cao hơn so với mặt bằng chung và có cơ chế tuyển dụng dựa trên các mối quan hệ xã hội thay vì lựa chọn người có kỹ năng. Điều này dẫn đến sự sai lệch về “tín hiệu” thị trường và hệ quả là chúng dẫn đến cạnh tranh không bình đẳng. Nghiêm trọng hơn, Dang & Nguyen (2021) cho thấy những tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 tới mọi mặt của doanh nghiệp vừa và nhỏ như năng suất người lao động giảm do thời gian dài không làm việc, quá trình sản xuất bị gián đoạn, nguồn vốn không lưu thông, và các hệ lụy trên thị trường tiền tệ.

Nhận thức được tầm quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa, và sự cần thiết nâng cao tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ là một mục tiêu quan trọng nhằm đảm bảo các doanh nghiệp này phát triển theo hướng tích cực và bền vững. Năng lực sáng tạo là trọng tâm của sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Tuy thế, kết quả của các cuộc điều tra DNNVV, tỷ lệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành đổi mới quy trình đã giảm từ hơn 15% năm 2005 xuống còn khoảng 5% vào năm 2015 (CIEM, 2015). Trong bối cảnh đó, một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng vai trò của hỗ trợ chính phủ, chất lượng thể chế, thương mại quốc tế là những nhân tố quan trọng thúc đẩy hoạt động cải tiến. Hoạt động đổi mới sáng tạo là hoạt động có rủi ro và đầu tư cao. Kiểm soát nội bộ được xem là một trong những công cụ quan trọng để doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát rủi ro. Tuy nhiên, có khá ít nghiên cứu xem xét ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến hoạt động cải tiến của doanh nghiệp. Vì vậy, nghiên cứu của chúng tôi mở rộng nghiên cứu trước đây bằng cách cung cấp bằng chứng đầu tiên về vai trò của kiểm soát nội bộ đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tại Việt Nam. Thêm nữa, mặc dù có một số thảo luận về kiểm soát nội bộ và các hoạt động đổi mới sáng tạo tổng, rất ít nghiên cứu đang được thực hiện về hiệu quả của kiểm soát nội bộ đối với từng loại hoạt động đổi mới của doanh nghiệp.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Về mặt lý thuyết, kiểm soát nội bộ có thể ảnh hưởng đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp theo hai cách. Một mặt, chiến lược đổi mới có thể mang lại rủi ro cho doanh nghiệp như thách thức kỹ thuật, cạnh tranh thị trường và chiến lược bán hàng của đối thủ cạnh tranh (Fernandes & Paunov, 2015). Theo lý thuyết đầu tư hiệu quả, các hoạt động đổi mới sáng tạo bị ảnh hưởng bởi các vấn đề của người đại diện. Các nhà quản lý có thể sử dụng các yêu cầu kiểm soát nội bộ áp đặt như một cái cớ để giảm nỗ lực của họ đối với hoạt động cải tiến. Kiểm soát nội bộ thúc đẩy giám sát khách quan, hạn chế các quyết định chủ quan và động lực các nhà quản trị phê duyệt các sáng kiến có rủi ro vì vấn đề người quản lý thích “cuộc sống yên tĩnh” (Cohen & cộng sự, 2007; Shadab, 2008; Bargeron & cộng sự, 2010). Các nhà quản lý có thể sử dụng các yêu cầu kiểm soát nội bộ làm lý do để họ giảm nỗ lực đổi mới sáng tạo vì họ thích cuộc sống yên tĩnh

---

(Hart, 1983; Bertrand & Mullainathan, 2003). Thêm nữa, kiểm soát nội bộ quá mức thường dẫn đến việc quản lý cứng nhắc, không có lợi cho việc thực hiện đổi mới công nghệ linh hoạt. Do đó, các nhà quản lý có thể bỏ lại các dự án đổi mới quan trọng vì họ phải nỗ lực rất nhiều để đáp ứng các yêu cầu kiểm soát nội bộ.

Mặt khác, kiểm soát nội bộ tốt hơn có thể giảm bớt các hạn chế tài chính, dẫn đến nhiều hoạt động đổi mới hơn. Theo Hall & Lerner (2010), các hoạt động đổi mới khó được tài trợ thông qua vay nợ. Khả năng tiếp cận tốt hơn với các nguồn tài chính giải phóng những hạn chế về tài chính đối với các khoản đầu tư đổi mới, do đó tăng động lực đổi mới của một công ty. Thêm nữa, chất lượng kiểm soát nội bộ tốt hơn đi kèm với chất lượng thông tin cao hơn, chất lượng kiểm soát nội bộ cao hơn có thể giảm bớt các hạn chế tài chính bằng cách tăng chất lượng báo cáo tài chính và cải thiện tính minh bạch dẫn đến chi phí vốn thấp hơn và khả năng tiếp cận các nguồn tài chính tốt hơn (Ogneva, Subramanyam & Raghunandan, 2007; Gordon & Wilford, 2012). Xa hơn nữa, kiểm soát nội bộ thúc đẩy các doanh nghiệp đạt được sự đổi mới độc lập, nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi của họ, kiểm soát hiệu quả rủi ro trong R&D các hoạt động, và thúc đẩy chiến lược phát triển dài hạn. Kiểm soát nội bộ có thể giảm sự không chắc chắn của đổi mới công nghệ bằng cách đánh giá, kiểm soát và ngăn chặn rủi ro (Wang, Zhang, & Chun, 2021). Kiểm soát nội bộ là một hệ thống quản lý nội bộ, con đường và cơ chế trung gian để đạt được các mục tiêu quản trị, có thể làm giảm bớt hiệu quả vấn đề người đại diện và sự bất cân xứng thông tin ở cấp độ hoạt động của đầu tư R&D của doanh nghiệp (Lambert, Leuz, & Verrecchia, 2007; Tang, 2016)

Trên cơ sở lý thuyết trên, bằng chứng về mối liên kết giữa kiểm soát nội bộ và hoạt động đổi mới sáng tạo được xem xét ở cả các nước phát triển và đang phát triển. Tuy thế, dẫn chứng là không rõ ràng. Ví dụ, Li & cộng sự (2019) đã điều tra dữ liệu cấp độ doanh nghiệp của Trung Quốc từ năm 2007 đến năm 2014 và cung cấp bằng chứng về tác động tiêu cực của kiểm soát nội bộ đối với hoạt động đổi mới sáng tạo. Cụ thể, các nhà đổi mới của Trung Quốc trong các ngành sản xuất đã trải qua sự tăng trưởng đổi mới thấp hơn sau khi tiến hành công tác kiểm soát nội bộ mạnh hơn. Bằng chứng về tác động tiêu cực của kiểm soát nội bộ đến hoạt động đổi mới sáng tạo cũng được quan sát thấy ở các nghiên cứu khác. Chẳng hạn, theo Liu & cộng sự (2018) quản lý và kiểm soát rủi ro nội bộ khả năng tương quan đáng kể và tiêu cực với hiệu quả đổi mới, cho thấy rằng nghịch lý về kiểm soát nội bộ có thể tồn tại trong các doanh nghiệp theo định hướng đổi mới. Ngoài ra, Chen & cộng sự (2018), Yang & cộng sự. (2019), Li & Shi (2019) khẳng định lại kết quả trên.

Tuy nhiên, các nghiên cứu khác ghi nhận vai trò tích cực của kiểm soát nội bộ đến quá trình đổi mới, các vấn đề về thời gian và chi phí, áp dụng chính xác các quy trình sản xuất mới và những khó khăn khi thay đổi công nghệ. Bằng chứng về tác động tích cực của kiểm soát nội bộ đến hoạt động đổi mới có thể được quan sát trong một số nghiên cứu. Ví dụ Li (2020) đã chỉ ra rằng kiểm soát nội bộ chất lượng cao có thể nâng cao tính chính xác của truyền thông thông tin, cân bằng quyền lực của nhà quản lý, sắp xếp hiệu quả quá trình đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư. Nghiên cứu chỉ ra rằng, kiểm soát nội bộ có thể hạn chế đáng kể việc đầu tư thiếu trợ cấp R&D trong doanh nghiệp, tăng cường kiểm soát, giảm rủi ro và điều này có thể ảnh hưởng tích cực đến đổi mới công nghệ, và đổi mới sáng tạo. Kiểm soát nội bộ thúc đẩy sự đổi mới của doanh nghiệp bằng cách cải thiện chất lượng báo cáo tài chính, giảm sự bất cân xứng thông tin và giảm chi phí sử dụng vốn (Brown & Martinsson, 2019; Lambert, Leuz, Verrecchia, 2007; Ogneva, Subramanyam, Raghunanda, 2007).

Tóm lại, dựa trên các bộ dữ liệu khác nhau từ các quốc gia khác nhau trong các giai đoạn nghiên cứu cụ thể, các nghiên cứu thực nghiệm về kiểm soát nội bộ và hoạt động đổi mới sáng tạo đã không đạt được sự đồng thuận. Trong khi một số nghiên cứu cho thấy sự đổi mới cải thiện hoạt động đổi mới của doanh nghiệp, những nghiên cứu khác chỉ ra mối liên kết tiêu cực. Bên cạnh đó, chưa có nghiên cứu nào xem xét chủ đề này tại Việt Nam. Những vấn đề nêu trên thúc đẩy chúng tôi xem xét các chủ đề này trong bối cảnh mới tại Việt Nam. Xa hơn thế, ít nghiên cứu xem xét tác động của từng khía cạnh kiểm soát nội bộ đến các loại hình đổi mới doanh nghiệp khác nhau. Việc xem xét vai trò của kiểm soát nội bộ đến từng loại hình cải tiến cho phép đánh giá một cách toàn diện và tường tận hiệu quả của kiểm soát nội bộ đến hoạt động đổi mới và mở ra các hàm ý chính sách và nhu cầu cần được hỗ trợ của doanh nghiệp trong sự phát triển tiếp theo.

### **3. Nguồn số liệu và phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Nguồn số liệu**

Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này được trích xuất từ ba cuộc điều tra của các doanh nghiệp sản xuất tư nhân vừa và nhỏ trong năm 2011, 2013 và 2015. Bộ dữ liệu này được Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA) phối hợp với Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) và trường đại học Copenhagen (Đan Mạch) thực hiện tại các thời điểm khác nhau. Bộ dữ liệu như đã thảo luận ở trên, là một tập dữ liệu mảng của các SME sản xuất tư nhân bao gồm tất cả các lĩnh vực sản xuất chính, đó là chế biến thực phẩm, sản phẩm gỗ, sản phẩm kim loại chế tạo và các ngành khác. Quan trọng hơn, tập dữ liệu chứa thông tin chính về hoạt động đổi mới sáng tạo, hoạt động kiểm soát nội bộ và các đặc điểm của doanh nghiệp và điều này đảm bảo cho việc tiến hành nghiên cứu vai trò của kiểm soát nội bộ đến hoạt động cải tiến của doanh nghiệp.

Đối với dữ liệu thay đổi theo thời gian, một trong vấn đề chính là chúng thường được thể hiện theo giá hiện hành. Do đó, dữ liệu của chúng tôi về các biến kinh tế được giảm phát bằng cách sử dụng chỉ số giảm phát GDP năm 1994 để tránh kết quả có thể bị chệch do lạm phát. Thống kê mô tả của các biến trong mô hình được thể hiện trong Bảng 1.

**Bảng 1: Thống kê mô tả các biến trong mô hình hồi quy**

Các biến trong mô hình	2011		2013		2015	
	Trung bình	Sai số chuẩn	Trung bình	Sai số chuẩn	Trung bình	Sai số chuẩn
Doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm mới hoặc sẵn có hoặc đổi mới công nghệ (Cải tiến tổng)	0,44	0,50	0,20	0,40	0,34	0,47
Giới thiệu sản phẩm mới (cải tiến 1)	0,04	0,20	0,01	0,08	0,23	0,42
Đổi mới sản phẩm hiện có (cải tiến 2)	0,38	0,49	0,17	0,37	0,13	0,34
Đổi mới quy trình và công nghệ (cải tiến 3)	0,13	0,34	0,07	0,25	0,05	0,22
IS1 (kiểm soát nội bộ 1)	0,07	0,25	0,07	0,26	0,04	0,19
IS2 (kiểm soát nội bộ 2)	0,39	0,49	0,39	0,49	0,39	0,49
Quy mô doanh nghiệp	13,97	27,95	13,48	42,30	14,07	35,03
Tuổi doanh nghiệp	13,44	9,43	15,57	10,00	16,56	10,20
PCI	63,33	4,27	55,23	2,48	59,64	1,23
Xuất khẩu	0,06	0,24	0,06	0,24	0,07	0,25
Hỗ trợ chính phủ	0,14	0,35	0,12	0,32	0,08	0,28
Sở hữu hộ gia đình	0,65	0,48	0,63	0,48	0,63	0,48
Số quan sát	2489		2503		2605	

### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá tác động của kiểm soát nội bộ đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, mô hình dựa trên các nghiên cứu của Vu & Nguyen (2022) như sau.

$$Y_{it} = \alpha_1 + \alpha_2 * IC_{it} + \alpha_3 * X_{it} + \alpha_4 * Z_{it} + v \quad (1)$$

Trong đó:  $i$  phản ánh doanh nghiệp,  $t$  phản ánh thời gian,  $\alpha_1, \alpha_2, \alpha_3, \alpha_4$  là các tham số được ước lượng.  $Y_{it}$  là biến phụ thuộc, bao gồm hoạt động đổi mới sáng tạo như hoạt động giới thiệu sản phẩm mới (Cải tiến 1), thực hiện nâng cấp sản phẩm (Cải tiến 2) hoặc thực hiện nâng cấp quy trình và công nghệ sản xuất (Cải tiến 3) (Nguyen & cộng sự, 2008). Trong số các biến độc lập,  $X_{it}$  là một vectơ đầu vào của hàm sản xuất bao gồm quy mô doanh nghiệp và tuổi doanh nghiệp (Vu & Nguyen, 2022).

Theo các nghiên cứu trước đây, Kiểm soát nội (IC) được đo lường dưới dạng các biến giả để phản ánh các khía cạnh khác nhau của kiểm soát nội bộ (Vu & Nguyen, 2022). Trước tiên, kiểm soát nội bộ (IC1) phản ánh liệu doanh nghiệp có áp dụng hay không áp dụng các tiêu chuẩn về chất lượng (ISO 9001) hoặc quy trình quản lý và quản lý môi trường. IC2 hiển thị nếu doanh nghiệp có hoặc không có các hoạt động giám sát và đánh giá liên tục (ví dụ, doanh nghiệp giữ sổ kế toán theo quy định hoặc tài khoản có đang kiểm toán).

$Z_{it}$  là vectơ bao gồm các đặc điểm khác. Đầu tiên, các nghiên cứu trước đây (ví dụ: Quartey & cộng sự (2017); Vu và cộng sự, 2018) cho rằng một số yếu tố quyết định đến vận hành doanh nghiệp bao gồm: tuổi, quy mô, loại hình doanh nghiệp, loại hình sở hữu, và vận hành chính thức của doanh nghiệp. Yang (2017)

bổ sung thêm tầm quan trọng của môi trường doanh nghiệp và các đặc tính môi trường khác (như cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển thị trường, quy mô dân số) là nhân tố quan trọng quyết định tới khả năng vận hành của doanh nghiệp. Chính vì thế, trong bối cảnh tại Việt Nam cần thiết phải kiểm soát nhân tố năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)<sup>12</sup>. Các đặc tính về lao động, loại hình lao động và hoạt động xuất nhập khẩu cũng được nhấn mạnh tại các tài liệu trước đây (Ogunyomi & Bruning, 2016; Expósito & Sanchis-Llopis, 2019). Cuối cùng, hoạt động hỗ trợ được nhấn mạnh tại các quốc gia Châu Á do yếu tố văn hóa và vai trò mạnh mẽ của chính phủ (Ge & cộng sự, 2017).

Một trong những khó khăn phải đối mặt trong đánh giá tác động của kiểm soát nội bộ đến hoạt động đổi mới sáng tạo tới hiệu quả vận hành doanh nghiệp là vấn đề nội sinh. Nguyên nhân đến từ: (i) tự lựa chọn, các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả thường hướng đến phát triển sáng tạo (hoặc ngược lại); (ii) tương quan với các yếu tố khác không quan sát được (như kỹ năng CEO với hoạt động cải tiến). Do đó, theo Fisman & Svensson (2007), chúng tôi sẽ chọn giá trị trung bình của đổi mới DNNVV trong cùng ngành, trong cùng một ngành và trong cùng một năm làm biến công cụ. Biến công cụ này là phù hợp bởi vì khi mức độ kiểm soát nội bộ của DNNVV trong một ngành và năm cụ thể thay đổi, mỗi doanh nghiệp trong xu thế đó cũng phải nỗ lực đổi mới để tồn tại và phát triển. Như vậy, hồi quy hai giai đoạn được thực hiện. Ở giai đoạn 1, kiểm soát nội bộ được ước lượng với biến công cụ và các biến độc lập khác. Sau đó, giá trị ước lượng của kiểm soát nội bộ trong giai đoạn 1 được thay thế cho biến thực về kiểm soát nội bộ biến đầu ra và được mô hình hóa như là một hàm của các giá trị ước lượng từ hồi quy giai đoạn đầu tiên và các biến ngoại sinh khác (phương trình 3).

$$IC_{it} = \beta_1 + \beta_2 * IV_{it} + \beta_3 * X_{it} + \beta_4 * Z_{it} + v \quad (2)$$

$$Y_{it} = f(IC_{it}, X_{it}, Z_{it}) \quad (3)$$

#### 4. Kết quả thực nghiệm

Như thể hiện trong cột 1 của Bảng 2, hệ số trên biến giải thích (IC) là dương và có ý nghĩa. Kết quả này cho thấy việc thực hiện kiểm soát nội bộ càng hiệu quả thì khả năng đổi mới của doanh nghiệp càng cao. Việc cải thiện hiệu quả của kiểm soát nội bộ có tác động tích cực và đáng kể đến việc thực hiện đổi mới. Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây như (Li, 2020). Việc thực hiện kiểm soát nội bộ cho phép ban lãnh đạo xác định hiệu quả các rủi ro môi trường bên ngoài, giảm chi phí phi chính thức, gia tăng

**Bảng 2: Ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp**

Biến giải thích	Toàn bộ mẫu		Toàn bộ mẫu		DN công nghệ thấp	DN công nghệ cao và trung bình
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
ISO	0,183*** (0,021)	0,179*** (0,021)	0,060** (0,024)	0,077* (0,043)	0,017 (0,072)	0,136** (0,056)
Quy mô doanh nghiệp			0,0001*** (0,000)	0,0002*** (0,000)	0,00016 (0,000)	0,001*** (0,000)
Tuổi doanh nghiệp			-0,0001 (0,001)	-0,0001 (0,001)	0,0001 (0,001)	-0,001 (0,001)
PCI			-0,005*** (0,002)	-0,004** (0,002)	-0,004* (0,002)	-0,006** (0,003)
Hoạt động xuất khẩu			0,094*** (0,023)	0,095*** (0,024)	0,111*** (0,030)	0,063 (0,041)
Hỗ trợ chính phủ			0,102*** (0,016)	0,102*** (0,016)	0,100*** (0,020)	0,101*** (0,026)
Sở hữu hộ gia đình			-0,073*** (0,012)	-0,073*** (0,013)	-0,109*** (0,017)	-0,021 (0,019)
Số quan sát	7.596	7.596	7.571	7.571	4.446	3.125

Chú thích: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới sáng tạo tổng, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối biến giả năm; biến giả về ngành \*\*\*  $p < 0,01$ , \*\*  $p < 0,05$ , \*  $p < 0,1$ . Các ảnh hưởng biên được báo cáo.

tiếp cận nguồn lực tài chính thông qua tiếp cận tín dụng và hỗ trợ tài chính của chính phủ (Vu & Nguyen, 2022), và điều này đến lượt nó nâng cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Kết quả là tương tự, nếu nghiên cứu sử dụng khía cạnh khác đo lường kiểm soát nội bộ, kết quả từ Phụ lục 1 chỉ ra rằng nếu đo lường kiểm soát nội bộ bằng việc doanh nghiệp có hoặc không có các hoạt động giám sát và đánh giá liên tục (ví dụ: doanh nghiệp giữ sổ kế toán theo quy định hoặc tài khoản có đang kiểm toán), kết quả chỉ ra rằng kiểm soát nội bộ thực sự thúc đẩy hoạt động đổi mới và sáng tạo của doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa tại Việt Nam với các phương pháp ước lượng và chỉ định khác nhau.

Trong các biến kiểm soát, trong khi tuổi của doanh nghiệp không có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến hoạt động cải tiến của doanh nghiệp, những doanh nghiệp có quy mô lớn hơn thường có sức mạnh R&D, những doanh nghiệp xuất khẩu và đạt được sự hỗ trợ của chính phủ có lợi cho việc cải tiến hiệu suất sáng tạo của họ.

Để hiểu rõ hơn về vai trò của kiểm soát nội bộ đối với đổi mới sáng tạo, chúng tôi cũng điều tra xem liệu mối quan hệ giữa chất lượng kiểm soát nội bộ và các hoạt động đổi mới của doanh nghiệp phụ thuộc vào sự phát triển công nghệ của ngành. Chúng tôi phân loại các công ty thành hai nhóm, công nghệ cao và không công nghệ cao, dựa trên phân loại chính thức của Tổng cục thống kê. Kết quả từ cột 5 và 6 của Bảng 2 chỉ ra rằng kiểm soát nội bộ quan trọng hơn đối với các doanh nghiệp công nghệ cao để duy trì và tăng lợi thế cạnh tranh của mình trong các ngành công nghệ cao so với các doanh nghiệp không sử dụng công nghệ cao. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với lập luận rằng các nhà quản lý trong các công ty công nghệ cao ít có khả năng theo đuổi cuộc sống yên tĩnh so với những người ở các công ty không sử dụng công nghệ cao (Li, Shu, Tang, & Zheng, 2019).

**Bảng 3: Ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ 1 đến các loại hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp**

Biến giải thích	Đổi mới sản phẩm mới		Đổi mới sản phẩm hiện có		Đổi mới công nghệ và quy trình	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
ISI	-0,017 (0,016)	-0,013 (0,030)	0,038** (0,019)	0,052 (0,036)	0,045*** (0,011)	0,041* (0,021)
Quy mô doanh nghiệp	0,00016 (0,000)	0,0002 (0,000)	0,0002*** (0,000)	0,0001*** (0,000)	0,0001*** (0,000)	0,0001*** (0,000)
Tuổi doanh nghiệp	0,001*** (0,000)	0,001*** (0,000)	-0,002*** (0,001)	-0,002*** (0,001)	-0,001** (0,000)	-0,001** (0,000)
PCI	-0,001 (0,001)	-0,001 (0,001)	-0,002 (0,001)	-0,002 (0,001)	-0,001 (0,001)	-0,001 (0,001)
Xuất khẩu	0,028** (0,013)	0,028** (0,014)	0,068*** (0,019)	0,068*** (0,020)	0,032*** (0,011)	0,032*** (0,012)
Hỗ trợ chính phủ	0,024** (0,010)	0,024** (0,010)	0,079*** (0,013)	0,078*** (0,013)	0,039*** (0,008)	0,039*** (0,008)
DN hộ gia đình	-0,005 (0,007)	-0,005 (0,008)	-0,076*** (0,011)	-0,077*** (0,011)	-0,042*** (0,007)	-0,042*** (0,007)
Số quan sát	7.571	7.571	7.571	7.571	7.571	7.571

Chú thích: Sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đổi biến giả năm; biến giả về ngành \*\*\*  $p < 0,01$ , \*\*  $p < 0,05$ , \*  $p < 0,1$ . Các ảnh hưởng biên được báo cáo.

Bảng 3 trình bày vai trò của kiểm soát nội bộ đến từng loại hoạt động đổi mới sáng tạo. Kết quả trong Bảng 3 cho thấy việc nâng cao hiệu quả của kiểm soát nội bộ sẽ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động đổi mới công nghệ và quy trình của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hệ số từ cột 1 và 2 của Bảng 3 cho thấy rằng việc tăng cường thực hành kiểm soát nội bộ sẽ không thực sự là một yếu tố thúc đẩy tích cực để nâng cao hoạt động cải tiến sản phẩm mới.

## 5. Kết luận và hàm ý chính sách

Mục tiêu của nghiên cứu này là kiểm tra xem liệu hệ thống kiểm soát nội bộ có cải thiện thúc đẩy hoạt động cải tiến. Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu mảng về các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa chỉ ra rằng các công ty có kiểm soát nội bộ mạnh mẽ có liên quan tích cực đến các hoạt động đổi mới, đặc biệt là liên quan

đến đổi mới quy trình và công nghệ. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng các kiểm soát nội bộ tốt hơn đóng vai trò vai trò rõ rệt trong việc cải thiện các hoạt động đổi mới mang tính khám phá trong các công ty công nghệ cao. Ngoài ra, mối quan hệ giữa chất lượng kiểm soát nội bộ và các hoạt động đổi mới phụ thuộc vào tài chính của doanh nghiệp hạn chế. Nhìn chung, kết quả của chúng tôi cho thấy rằng hệ thống kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp tư nhân đóng vai trò quan trọng trong động cơ và khả năng đổi mới của họ. Vì vậy, kết quả nghiên cứu có hàm ý rằng trong bối cảnh chất lượng quản trị công chưa thực sự hiệu quả, các nhà làm chính sách có thể khuyến khích các doanh nghiệp thúc đẩy các quy trình và công tác kiểm soát thông qua sự hỗ trợ đào tạo, quy trình và giảm thiểu chi phí cho các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa.

**Ghi chú:**

1. Dữ liệu PCI được lấy từ dữ liệu điều tra môi trường kinh doanh của phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI)

**Phụ lục 1: Ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ 2 đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa**

Biến giải thích	(1)	(2)	(3)	(4)
IS2	0,120*** (0,010)	0,119*** (0,011)	0,052** (0,021)	0,051** (0,021)
Quy mô doanh nghiệp			0,001*** (0,000)	0,000*** (0,000)
Tuổi doanh nghiệp			-0,000 (0,001)	-0,000 (0,001)
PCI			-0,005*** (0,002)	-0,005*** (0,002)
Hoạt động xuất khẩu			0,104*** (0,022)	0,104*** (0,022)
Hỗ trợ chính phủ			0,103*** (0,016)	0,103*** (0,016)
Doanh nghiệp sở hữu hộ gia đình			-0,034 (0,021)	-0,036* (0,022)
Số quan sát	7.597	7.597	7.572	7.572

Chú thích: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới sáng tạo tổng, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối biến giả năm; biến giả về ngành \*\*\* p < 0,01, \*\* p < 0,05, \* p < 0,1. Các ảnh hưởng biên được báo cáo.

**Lời thừa nhận/Cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 502.01-2020.312.

**Tài liệu tham khảo**

Baccini, L., Impullitti, G., & Malesky, E. J. (2019). Globalization and state capitalism: Assessing Vietnam’s accession to the WTO. *Journal of International Economics*, 119, 75-92. doi: <https://doi.org/10.1016/j.jinteco.2019.02.004>

Bargeron, L. L., K. M. Lehn, & C. J. Zutter (2010), ‘Sarbanes-Oxley and Corporate Risk-taking’, *Journal of Accounting and Economics*, 49 (1–2), 34–52.

Bertrand, M., & S. Mullainathan. (2003), ‘Enjoying the Quiet Life? Corporate Governance and Managerial Preferences’, *Journal of Political Economy*, 111 (5), 1043–1075.

Bộ Kế hoạch đầu tư. (2020). *Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam* Hanoi, Vietnam.

Brown, J.R., Martinsson, G. (2019), ‘Does Transparency Stifle or Facilitate Innovation?’, *Manag. Sci.*, 65, 1600–1623.

Chen H, Na CH, Yutian MZ, Han XF (2018), ‘Internal Control and R&D Subsidy Performance’, *Manage. World*, 34(12), 149–164.

- 
- CIEM. (2015), *Dac diem moi truong kinh doanh o Vietnam / Characteristics of the Vietnamese Business Environment: Evidence from a SME survey in 2015*, Hanoi, Vietnam.
- Dang, H.-A. H., & Nguyen, C. V. (2021), 'Gender inequality during the COVID-19 pandemic: Income, expenditure, savings, and job loss', *World Development*, 140, 105296.
- Dau, T., & Pham, T. (2016), 'Difficulties in trading of Small and medium sized enterprises in Vietnam', *Hanoi, Vietnam: Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI)*.
- Cohen, D., A. Dey, & T. Lys. (2007), 'The Sarbanes-Oxley Act of 2002: Implications for Compensation Contracts and Managerial Risk-taking', Northwestern University, Evanston, working paper.
- Fernandes, A. M., & Paunov, C. (2015). The risks of innovation: are innovating firms less likely to die? *Review of Economics and Statistics*, 97(3), 638-653.
- Fisman, R., & Svensson, J. (2007), 'Are corruption and taxation really harmful to growth? Firm level evidence', *Journal of Development Economics*, 83(1), 63-75.
- General Statistical Office [GSO] (2020), *Health, Culture, Sport, Living standards, Social order, Safety and Environment*, <https://www.gso.gov.vn/en/health-culture-sport-living-standards-social-order-safety-and-environment>.
- Gordon, L. A., & A. L. Wilford (2012), 'An Analysis of Multiple Consecutive Years of Material Weaknesses in Internal Control', *The Accounting Review*, 87 (6), 2027–2060.
- Hall, B. H., & J. Lerner (2010), 'The Financing of R&D and Innovation', In *Handbook of the Economics of Innovation*, edited by B. H. Hall and N. Rosenberg, Amsterdam: North-Holland, 609–639.
- Hart, Oliver D. (1983), 'The Market Mechanism as an Incentive Scheme', *The Bell Journal of Economics*, 14 (2), 366–382.
- Kokko, A., & Sjöholm, F. (2005), 'The internationalization of Vietnamese small and medium-sized enterprises', *Asian Economic Papers*, 4(1), 152-177.
- Lambert, R., Leuz, C., & Verrecchia, R. E. (2007), 'Accounting information, disclosure, and the cost of capital', *Journal of accounting research*, 45(2), 385-420.
- Li, X. (2020), 'The effectiveness of internal control and innovation performance: An intermediary effect based on corporate social responsibility', *Plos one*, 15(6), e0234506.
- Li, P., Shu, W., Tang, Q., & Zheng, Y. (2019), 'Internal control and corporate innovation: evidence from China', *Asia-Pacific Journal of Accounting & Economics*, 26(5), 622-642.
- Li YM, Shi Q (2019), 'Can internal control promote the innovation performance of enterprises?', *Sci. Res. Manage*, 40(6), 86–98.
- Liu XH, Wang AG, Liu XG (2018), 'Risk Management, Executive Incentives and Innovation Efficiency: An Empirical Analysis Based on China's GEM Listed Companies', *Reform Econ. Syst*, 36(6), 117– 124.
- Nguyen, A. N., Pham, N. Q., Nguyen, C. D., & Nguyen, N. D. (2008), 'Innovation and exports in Vietnam's SME sector', *The European Journal of Development Research*, 20(2), 262-280.
- Ogunyomi, P., & Bruning, N. S. (2016), 'Human resource management and organizational performance of small and medium enterprises (SMEs) in Nigeria', *The International Journal of Human Resource Management*, 27(6), 612-634.
- Ogneva, M., Subramanyam, K.R., Raghunandan, K. (2007), 'Internal Control Weakness and Cost of Equity: Evidence from SOX Section 404 Disclosures', *Account. Rev*, 82, 1255–1297.
- Phan, D., & Coxhead, I. (2013), 'Long-run costs of piecemeal reform: Wage inequality and returns to education in Vietnam', *Journal of Comparative Economics*, 41(4), 1106-1122.
- Quartey, P., Turkson, E., Abor, J. Y., & Iddrisu, A. M. (2017), 'Financing the growth of SMEs in Africa: What are the constraints to SME financing within ECOWAS?', *Review of development finance*, 7(1), 18-28.
- Yang, J. S. (2017), 'The governance environment and innovative SMEs', *Small Business Economics*, 48(3), 525-541.
- Pham, T., & Talavera, O. (2018), 'Discrimination, social capital, and financial constraints: The case of Viet Nam', *World Development*, 102, 228-242.
-



- 
- Shadab, H. B. (2008), 'Innovation and Corporate Governance: The Impact of Sarbanes-Oxley', *Journal of Business and Employment Law*, 10, 955–1008.
- Tang, X. J. (2016), 'Internal control, institutional environment, and disclosure quality of corporate social responsibility', *J. Account. Econ*, 30(2), 85-104.
- Expósito, A., & Sanchis-Llopis, J. A. (2019), 'The relationship between types of innovation and SMEs' performance: A multi-dimensional empirical assessment', *Eurasian Business Review*, 9(2), 115-135.
- Ge, J., Stanley, L. J., Eddleston, K., & Kellermanns, F. W. (2017), 'Institutional deterioration and entrepreneurial investment: The role of political connections', *Journal of Business Venturing*, 32(4), 405-419.
- Jaax, A. (2020), 'Private sector development and provincial patterns of poverty: Evidence from Vietnam', *World Development*, 127, 104747.
- Vu, Q., & Nguyen, N. T. T. (2022), 'Does the implementation of internal controls promote firm profitability? Evidence from private Vietnamese small-and medium-sized enterprises (SMEs)', *Finance Research Letters*, 45, 102178.
- Vu, V. H., Tran, T. Q., Van Nguyen, T., & Lim, S. (2018). Corruption, types of corruption and firm financial performance: New evidence from a transitional economy. *Journal of Business Ethics*, 148(4), 847-858.
- Yang DG, Wang JN, Chen LR (2019), 'Hypercorrection or Trimming? The Role of Internal Control in Corporate Innovation', *Econ. Manage. J*, 41(8), 113–129.
- Wang, X., Zhang, Z., & Chun, D. (2021), 'The Influencing Mechanism of Internal Control Effectiveness on Technological Innovation: CSR as a Mediator', *Sustainability*, 13(23), 13122.